

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm số:

Tên thành viên:

Cột A: Cấu trúc Thẻ	Cột B: Ý nghĩa/Thuộc tính
Thẻ <video>	A. Dùng để chèn một khung chứa nội dung độc lập từ một trang web/nguồn khác.
Thẻ <iframe>	B. Thuộc tính này hiển thị thanh điều khiển (Play, Pause, Volume) cho người dùng.
Thẻ <audio>	C. Thuộc tính dùng để tạo văn bản thay thế cho hình ảnh trong trường hợp ảnh không tải được.
Thẻ 	D. Chỉ hỗ trợ chèn file hình ảnh.
Thuộc tính controls	E. Hỗ trợ chèn file âm thanh.
Thuộc tính alt	F. Thuộc tính src chứa đường dẫn đến tài nguyên (file media hoặc URL).
Thuộc tính sandbox	G. Có thể sử dụng thẻ <source> bên trong để khai báo nhiều định dạng tệp khác nhau (ví dụ: mp4, ogg).
Thuộc tính loop	H. Thuộc tính này sẽ lặp lại nội dung (media hoặc nhúng) vô hạn.
Thuộc tính muted	I. Thuộc tính giúp tăng cường bảo mật, hạn chế các hành động nguy hiểm của nội dung được nhúng.
Thuộc tính autoplay	K. Thuộc tính này sẽ tự động phát nội dung khi trang web vừa tải xong.
	L. Thuộc tính này sẽ phát nội dung nhưng ở chế độ tắt tiếng.